

Số: 21/2021/DS-ST

Ngày 20-9-2021.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.

2. Bà Phạm Thị Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, tên gọi khác là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 6, thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện hợp pháp của bà M: Bà **Nguyễn Thị Xuân L**, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 109 L, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy ngày 26/5/2021. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 67 C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/6/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M là bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (Y) xác định: Người bị kiện (bị đơn) là anh Lê Văn C, đề nghị Tòa án không đưa bà Trần Thị T (theo đơn khởi kiện xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vào tham gia tố tụng trong vụ án này, vì bà T không vay, không biết, không ký vào giấy vay tiền.

Vào ngày 14/10/2020 bà M có cho anh Lê Văn C vay số tiền 325.000.000đ

(ba trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 14/11/2020 phải trả nợ một nửa, số tiền còn lại đến ngày 14/12/2020 phải trả hết nợ, anh Lê Văn C có viết giấy xác nhận nợ. Khi đến hạn anh C không thanh toán tiền gốc và lãi suất. Do anh C vi phạm nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn C có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Kiểm sát viên không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M. Buộc bị đơn anh C có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà M số tiền nợ gốc là 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (Y), sinh năm 1975 và bị đơn anh Lê Văn C, sinh năm 1984 có xác lập giao dịch là hợp đồng vay tiền ghi ngày 14/10/2020. Bị đơn anh Lê Văn C, cư trú tại: Số nhà 67 C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

1.3. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2021 nguyên đơn xác định bị đơn là anh Lê Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T (vợ anh C). Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 03/6/2021, nguyên đơn xác định bị đơn là anh Lê Văn C, đề nghị Tòa án không đưa chị Trần Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì chị T không biết, không vay, không ký vào giấy xác nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cũng xác định:

Việc anh C vay tiền của bà Nguyễn Thị M (còn gọi là Nguyễn Thị Y) thì chị T không biết, không được thông báo, bàn bạc, không ký vào giấy xác nhận nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa chị Trần Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự với nhau vào ngày 14/10/2020 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn anh Lê Văn C phải thanh toán số tiền 325.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 14/10/2020 bà Nguyễn Thị M có cho anh Lê Văn C vay số tiền 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn vay đến ngày 14/11/2020 phải trả nợ một nửa số tiền vay, số tiền còn lại đến ngày 14/12/2020 phải trả hết nợ, anh Lê Văn C có viết giấy xác nhận nợ.

Như vậy, áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định: Bà Nguyễn Thị M có cho anh Lê Văn C vay và nhận đủ số tiền 325.000.000đ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ bản gốc do bà M giao nộp cho Tòa án đã lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn anh Lê Văn C.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu với số tiền 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng), theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu từ trên 6.000.000đ đến 400.000.000đ là 5% là 16.250.000đ (mười sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc bị đơn anh Lê Văn C có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (còn gọi là Nguyễn Thị Y) số tiền 325.000.000đ (ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn anh Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000đ (mười sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.125.000đ (tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số AA/2016/0019114 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Công